

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG
HỘI ĐỒNG THI CẤP CHỨNG CHỈ
ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
(Ban hành kèm theo quyết định số 522/QĐ-ĐHNLBG-HĐT ngày 24/8/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông-Lâm Bắc Giang)

NGÀY THI: 14/8/2020

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
1	CNTT01	Lê Thị Tú Anh	04/09/1997	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	5,5	DBG003610	CNTT/20/3640	Đạt	
2	CNTT02	Trần Trọng Anh	10/10/1978	Nam Định	Nam	Kinh	6,5	6,5	DBG003611	CNTT/20/3641	Đạt	
3	CNTT03	Vũ Hữu Biên	05/06/1977	Nam Định	Nam	Kinh	6,5	7,5	DBG003612	CNTT/20/3642	Đạt	
4	CNTT04	Khương Thị Lan Châu	04/01/1971	Nam Định	Nữ	Kinh	6,5	6,0	DBG003613	CNTT/20/3643	Đạt	
5	CNTT05	Giáp Thị Chuyền	26/06/1986	Bắc Giang	Nữ	Tày	7,0	6,0	DBG003614	CNTT/20/3644	Đạt	
6	CNTT06	Ngọc Văn Cường	15/03/1995	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	6,5	DBG003615	CNTT/20/3645	Đạt	
7	CNTT08	Đoàn Thị Dừa	15/10/1987	Nam Định	Nữ	Kinh	7,0	5,5	DBG003616	CNTT/20/3646	Đạt	
8	CNTT09	Đinh Hữu Đầu	12/02/1970	Nam Định	Nam	Kinh	6,7	6,5	DBG003617	CNTT/20/3647	Đạt	
9	CNTT10	Đào Văn Đức	20/05/1982	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	6,0	DBG003618	CNTT/20/3648	Đạt	
10	CNTT11	Khương Thị Gấm	10/06/1973	Nam Định	Nữ	Kinh	6,5	6,5	DBG003619	CNTT/20/3649	Đạt	
11	CNTT12	Tạ Thị Giang	21/08/1992	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	8,0	DBG003620	CNTT/20/3650	Đạt	
12	CNTT14	Phạm Thị Như Hoa	10/10/1995	Nam Định	Nữ	Kinh	6,7	6,0	DBG003621	CNTT/20/3651	Đạt	
13	CNTT15	Hoàng Thị Hòa	29/07/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	6,0	DBG003622	CNTT/20/3652	Đạt	
14	CNTT16	Hà Huy Hoàng	12/02/1983	Nam Định	Nam	Kinh	6,5	6,5	DBG003623	CNTT/20/3653	Đạt	
15	CNTT18	Trần Sỹ Hùng	29/12/1969	Nam Định	Nam	Kinh	8,0	5,5	DBG003624	CNTT/20/3654	Đạt	
16	CNTT19	Bùi Thị Hương	16/10/1994	Nam Định	Nữ	Kinh	7,2	6,5	DBG003625	CNTT/20/3655	Đạt	
17	CNTT20	Đoàn Thị Hương	07/10/1995	Nam Định	Nữ	Kinh	7,2	7,5	DBG003626	CNTT/20/3656	Đạt	
18	CNTT21	Trần Văn Khoái	05/05/1972	Nam Định	Nam	Kinh	7,5	6,0	DBG003627	CNTT/20/3657	Đạt	
19	CNTT22	Đoàn Thị Mai Khuyên	10/08/1989	Nam Định	Nữ	Kinh	6,5	6,0	DBG003628	CNTT/20/3658	Đạt	
20	CNTT23	Trần Thị Lan	26/03/1980	Nam Định	Nữ	Kinh	6,5	6,0	DBG003629	CNTT/20/3659	Đạt	
21	CNTT24	Ngô Thị Lệ	10/08/1982	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	5,5	DBG003630	CNTT/20/3660	Đạt	
22	CNTT25	Trần Thu Linh	21/07/1988	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	6,0	DBG003631	CNTT/20/3661	Đạt	
23	CNTT26	Quản Thị Mai Loan	11/04/1998	Phú Thọ	Nữ	Kinh	7,7	7,0	DBG003632	CNTT/20/3662	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
24	CNTT27	Hoàng Thị Mai	14/12/1972	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,5	DBG003633	CNTT/20/3663	Đạt	
25	CNTT28	Nguyễn Thị Hoàng Mai	21/06/1998	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	8,0	DBG003634	CNTT/20/3664	Đạt	
26	CNTT29	Chu Bá Ngọc	22/02/1998	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,7	5,5	DBG003635	CNTT/20/3665	Đạt	
27	CNTT30	Trần Thị Nụ	23/02/1985	Nam Định	Nữ	Kinh	7,0	6,5	DBG003636	CNTT/20/3666	Đạt	
28	CNTT31	Đinh Thị Oanh	20/04/1975	Nam Định	Nữ	Kinh	7,2	5,5	DBG003637	CNTT/20/3667	Đạt	
29	CNTT32	Vũ Kim Oanh	18/08/1981	Nam Định	Nữ	Kinh	7,2	6,5	DBG003638	CNTT/20/3668	Đạt	
30	CNTT33	Phạm Thị Phiến	01/11/1969	Nam Định	Nữ	Kinh	6,7	6,0	DBG003639	CNTT/20/3669	Đạt	
31	CNTT34	Nguyễn Văn Quý	28/10/1997	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,5	5,0	DBG003640	CNTT/20/3670	Đạt	
32	CNTT35	Nguyễn Đình Sự	01/12/1983	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,0	6,0	DBG003641	CNTT/20/3671	Đạt	
33	CNTT36	Nguyễn Văn Tân	04/12/1989	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	6,0	DBG003642	CNTT/20/3672	Đạt	
34	CNTT37	Nguyễn Văn Thành	22/04/1970	Nam Định	Nam	Kinh	7,5	6,0	DBG003643	CNTT/20/3673	Đạt	
35	CNTT38	Vũ Đức Thắng	02/09/1975	Nam Định	Nam	Kinh	7,2	6,0	DBG003644	CNTT/20/3674	Đạt	
36	CNTT39	Phạm Xuân Thiều	09/07/1976	Nam Định	Nam	Kinh	6,5	5,5	DBG003645	CNTT/20/3675	Đạt	
37	CNTT40	Đoàn Thị Thoa	26/08/1975	Nam Định	Nữ	Kinh	7,2	6,0	DBG003646	CNTT/20/3676	Đạt	
38	CNTT41	Nguyễn Thị Hồng Thoa	30/01/1978	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	6,0	DBG003647	CNTT/20/3677	Đạt	
39	CNTT42	Đỗ Văn Thoả	09/01/1977	Nam Định	Nam	Kinh	7,7	6,0	DBG003648	CNTT/20/3678	Đạt	
40	CNTT43	Vũ Thị Thơm	08/09/1973	Nam Định	Nữ	Kinh	6,5	5,5	DBG003649	CNTT/20/3679	Đạt	
41	CNTT44	Nguyễn Thị Thúy	11/11/1972	Nam Định	Nữ	Kinh	6,5	7,5	DBG003650	CNTT/20/3680	Đạt	
42	CNTT45	Trần Thị Thúy	29/12/1968	Nam Định	Nữ	Kinh	6,5	6,0	DBG003651	CNTT/20/3681	Đạt	
43	CNTT46	Nguyễn Xuân Thủy	20/02/1976	Nam Định	Nam	Kinh	7,5	7,5	DBG003652	CNTT/20/3682	Đạt	
44	CNTT47	Nguyễn Thị Thương	13/06/1997	Quảng Bình	Nữ	Kinh	7,5	5,0	DBG003653	CNTT/20/3683	Đạt	
45	CNTT48	Nguyễn Văn Tinh	19/03/1983	Nam Định	Nam	Kinh	7,2	7,5	DBG003654	CNTT/20/3684	Đạt	
46	CNTT49	Đỗ Thị Hà Trang	16/10/1997	Phú Thọ	Nữ	Kinh	7,5	8,0	DBG003655	CNTT/20/3685	Đạt	
47	CNTT50	Lương Huyền Trang	16/10/1996	Yên Bái	Nữ	Tây	7,0	5,0	DBG003656	CNTT/20/3686	Đạt	
48	CNTT51	Nguyễn Thành Trung	22/02/1998	Nam Định	Nam	Kinh	7,2	6,0	DBG003657	CNTT/20/3687	Đạt	
49	CNTT52	Đoàn Thị Vân	19/08/1967	Nam Định	Nữ	Kinh	7,2	6,0	DBG003658	CNTT/20/3688	Đạt	
50	CNTT53	Vũ Thị Vê	14/05/1967	Nam Định	Nữ	Kinh	7,5	7,5	DBG003659	CNTT/20/3689	Đạt	
51	CNTT55	Hoàng Tuấn Anh	27/11/1978	Nam Định	Nam	Kinh	6,5	6,5	DBG003660	CNTT/20/3690	Đạt	
52	CNTT56	Ngô Kim Anh	10/04/1977	Nam Định	Nữ	Kinh	6,5	6,5	DBG003661	CNTT/20/3691	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
53	CNTT57	Phạm Thị Vân Anh	05/06/1972	Nam Định	Nữ	Kinh	6,5	7,5	DBG003662	CNTT/20/3692	Đạt	
54	CNTT58	Nguyễn Thị Bảy	14/10/1969	Nam Định	Nữ	Kinh	6,7	6,5	DBG003663	CNTT/20/3693	Đạt	
55	CNTT59	Nguyễn Thị Bình	16/03/1989	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	7,0	DBG003664	CNTT/20/3694	Đạt	
56	CNTT60	Phạm Thị Ngọc Cài	11/12/1969	Nam Định	Nữ	Kinh	6,5	7,0	DBG003665	CNTT/20/3695	Đạt	
57	CNTT61	Trần Thị Danh	14/05/1979	Nam Định	Nữ	Kinh	6,5	6,0	DBG003666	CNTT/20/3696	Đạt	
58	CNTT62	Dương Thị Đậu	05/08/1969	Nam Định	Nữ	Kinh	6,7	6,0	DBG003667	CNTT/20/3697	Đạt	
59	CNTT63	Phạm Hiền Giang	08/06/1973	Nam Định	Nữ	Kinh	7,0	7,0	DBG003668	CNTT/20/3698	Đạt	
60	CNTT64	Nguyễn Văn Hải	17/03/1987	Nam Định	Nam	Kinh	7,0	7,0	DBG003669	CNTT/20/3699	Đạt	
61	CNTT65	Vũ Thị Hạnh	14/08/1972	Nam Định	Nữ	Kinh	6,5	6,5	DBG003670	CNTT/20/3700	Đạt	
62	CNTT66	Phạm Thị Hằng	16/08/1981	Nam Định	Nữ	Kinh	7,0	6,0	DBG003671	CNTT/20/3701	Đạt	
63	CNTT67	Hoàng Thị Hiền	06/09/1990	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	6,0	DBG003672	CNTT/20/3702	Đạt	
64	CNTT68	Đỗ Thị Hiếu	04/07/1978	Nam Định	Nữ	Kinh	7,0	6,0	DBG003673	CNTT/20/3703	Đạt	
65	CNTT69	Đỗ Thị Hoài	28/08/1972	Nam Định	Nữ	Kinh	6,7	6,5	DBG003674	CNTT/20/3704	Đạt	
66	CNTT70	Lê Thị Huê	02/03/1980	Nam Định	Nữ	Kinh	6,7	6,5	DBG003675	CNTT/20/3705	Đạt	
67	CNTT71	Nguyễn Thị Huê	11/12/1972	Nam Định	Nữ	Kinh	7,2	7,0	DBG003676	CNTT/20/3706	Đạt	
68	CNTT74	Nguyễn Thị Hương	09/02/1983	Nam Định	Nữ	Kinh	6,7	7,5	DBG003677	CNTT/20/3707	Đạt	
69	CNTT75	Nguyễn Thị Thu Hương	09/05/1978	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	7,5	DBG003678	CNTT/20/3708	Đạt	
70	CNTT76	Trần Thị Hương	10/08/1977	Nam Định	Nữ	Kinh	6,5	7,0	DBG003679	CNTT/20/3709	Đạt	
71	CNTT77	Phạm Ngọc Khoản	14/12/1992	Nam Định	Nam	Kinh	6,7	7,5	DBG003680	CNTT/20/3710	Đạt	
72	CNTT78	Phạm Thị Kiều	13/06/1987	Nam Định	Nữ	Kinh	7,2	7,0	DBG003681	CNTT/20/3711	Đạt	
73	CNTT79	Đỗ Thị Kim Lan	10/07/1982	Nam Định	Nữ	Kinh	6,7	6,5	DBG003682	CNTT/20/3712	Đạt	
74	CNTT81	Nguyễn Văn Lực	12/06/1981	Nam Định	Nam	Kinh	6,7	6,5	DBG003683	CNTT/20/3713	Đạt	
75	CNTT82	Ngô Thị Mái	20/08/1979	Nam Định	Nữ	Kinh	6,7	6,0	DBG003684	CNTT/20/3714	Đạt	
76	CNTT83	Nguyễn Thị Nghị	02/12/1981	Nam Định	Nữ	Kinh	7,0	7,5	DBG003685	CNTT/20/3715	Đạt	
77	CNTT84	Trần Thị Phi	30/05/1973	Nam Định	Nữ	Kinh	7,5	7,0	DBG003686	CNTT/20/3716	Đạt	
78	CNTT85	Trương Thị Phúc	19/02/1978	Bắc Giang	Nữ	Sán Diu	7,2	7,0	DBG003687	CNTT/20/3717	Đạt	
79	CNTT86	Dương Thị Phụng	05/11/1986	Nam Định	Nữ	Kinh	8,2	6,5	DBG003688	CNTT/20/3718	Đạt	
80	CNTT87	Đỗ Thị Quý	17/09/1971	Nam Định	Nữ	Kinh	7,5	6,5	DBG003689	CNTT/20/3719	Đạt	
81	CNTT88	Đinh Văn Sỹ	15/05/1970	Nam Định	Nam	Kinh	7,0	7,0	DBG003690	CNTT/20/3720	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
82	CNTT89	Hoàng Thị Thảo	29/08/1994	Nam Định	Nữ	Kinh	7,5	6,0	DBG003691	CNTT/20/3721	Đạt	
83	CNTT90	Lương Thị Thảo	13/01/1984	Nam Định	Nữ	Kinh	6,5	6,5	DBG003692	CNTT/20/3722	Đạt	
84	CNTT91	Nguyễn Thị Thảo	01/11/1969	Nam Định	Nữ	Kinh	7,7	5,0	DBG003693	CNTT/20/3723	Đạt	
85	CNTT92	Trần Thị Tho	27/02/1978	Nam Định	Nữ	Kinh	6,5	6,0	DBG003694	CNTT/20/3724	Đạt	
86	CNTT93	Trần Thị Thơm	28/02/1982	Nam Định	Nữ	Kinh	7,7	7,0	DBG003695	CNTT/20/3725	Đạt	
87	CNTT94	Phạm Thị Thu	27/10/1991	Nam Định	Nữ	Kinh	8,0	6,5	DBG003696	CNTT/20/3726	Đạt	
88	CNTT95	Phạm Thị Minh Thu	11/08/1978	Nam Định	Nữ	Kinh	7,7	6,5	DBG003697	CNTT/20/3727	Đạt	
89	CNTT96	Hoàng Thị Thúy	16/01/1993	Nam Định	Nữ	Kinh	6,7	7,0	DBG003698	CNTT/20/3728	Đạt	
90	CNTT97	Phạm Thị Thuý	13/08/1968	Nam Định	Nữ	Kinh	6,5	6,5	DBG003699	CNTT/20/3729	Đạt	
91	CNTT98	Phạm Thị Thuý	16/04/1973	Nam Định	Nữ	Kinh	7,0	7,0	DBG003700	CNTT/20/3730	Đạt	
92	CNTT99	Trần Thị Thủy	22/01/1972	Nam Định	Nữ	Kinh	6,5	6,0	DBG003701	CNTT/20/3731	Đạt	
93	CNTT100	Nguyễn Thị Thương	09/09/1980	Nam Định	Nữ	Kinh	8,7	6,5	DBG003702	CNTT/20/3732	Đạt	
94	CNTT101	Nguyễn Thị Toan	24/11/1973	Nam Định	Nữ	Kinh	6,5	7,0	DBG003703	CNTT/20/3733	Đạt	
95	CNTT102	Nguyễn Thị Thu Trang	18/09/1978	Nam Định	Nữ	Kinh	7,0	7,0	DBG003704	CNTT/20/3734	Đạt	
96	CNTT104	Trần Ánh Tuyết	10/05/1976	Nam Định	Nữ	Kinh	7,2	7,5	DBG003705	CNTT/20/3735	Đạt	
97	CNTT105	Vũ Thị Tô Uyên	02/12/1975	Nam Định	Nữ	Kinh	7,0	7,0	DBG003706	CNTT/20/3736	Đạt	
98	CNTT106	Vũ Thị Xuân	17/08/1977	Nam Định	Nữ	Kinh	7,2	6,5	DBG003707	CNTT/20/3737	Đạt	
99	CNTT108	Ngô Thị Yên	02/09/1991	Nam Định	Nữ	Kinh	7,2	7,0	DBG003708	CNTT/20/3738	Đạt	

Tổng số thí sinh theo danh sách:

99

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

(Đã ký)

ThS. Đỗ Thị Huyền

Bắc Giang, ngày 24 tháng 8 năm 2020

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG THI

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Quang